

Bản án số: 958/2024/HS-PT

Ngày: 25-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Ngọc Cảnh**

Các thẩm phán: Ông **Trần Đức Hiếu**

Bà Lê Hải Yến

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Dương Thị Thơm** -

Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Diệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 814/2024/TLPT-HS ngày 18 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn V do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 178/2024/HS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

NGUYỄN VĂN V, sinh ngày 19/5/1979 tại Hà Nội; ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện S, TP Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Phan Thị N; có vợ Nguyễn Thị G và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt bị tạm giam

từ ngày 08/01/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn V:**

Ông **Vũ Văn H** - Luật sư Công ty Luật TNHH Dương Gia thuộc Đoàn luật sư thành phố H, có mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo Nguyễn Văn T không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị:

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2020, Nguyễn Văn T (sinh năm 1989; trú tại: thôn N, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang) xuống làm thuê cho anh trai là anh Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1988; trú tại: thôn V, xã P, huyện T, Hà Nội) - là chủ cơ sở kinh doanh, sản xuất thép “Thái Thêm”, có địa chỉ tại: Cụm C, thuộc địa phận xã B, huyện T, thành phố Hà Nội. T được anh T1 thuê làm công nhân sản xuất và có nhiệm vụ mở cửa xưởng cho công nhân đến việc và đóng cửa xưởng khi công nhân về.

Khoảng giữa tháng 11/2022, T đi sửa xe tại Gara T có địa chỉ tại thôn B, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội thì gặp Nguyễn Văn V (sinh năm 1979; trú tại: xã X, huyện S, thành phố Hà Nội) làm nghề thu mua phế liệu có xưởng thu mua phế liệu tại Khu đất dịch vụ làng B, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội. Qua nói chuyện thì T giới thiệu với V là đang làm cơ khí tại khu công nghiệp B. V nói với T: *“Em làm ở công ty trong khu công nghiệp mà có hàng nào tuần ra ngoài được thì mang xuống cho anh mua, nhà anh có bãi phế liệu ngay ở đằng sau cây xăng Bùng đây này”*, T nói: *“vâng em biết thế đã, anh cho em xin số điện thoại để tiện liên lạc”*. Sau đó Thành và V đã kết bạn zalo với nhau.

Do không có tiền tiêu sài, nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp sắt trong xưởng để bán cho V. Khoảng 4 giờ 30 phút ngày 01/3/2023, lợi dụng lúc xưởng không có người, T đã đến mở cửa xưởng sản xuất “Thái Thêm” rồi điều khiển xe ô tô BKS 29C - 468.23 của anh T1 đang để trước cửa xưởng (chìa khóa xe vẫn cắm trong ổ khóa điện) lái vào trong xưởng. Sau đó, T điều khiển cầu trục trong xưởng để cầu từng cuộn thép có trọng

lượng từ 1,5 - 7 tấn đang để ở trong xưởng lên thùng xe ô tô BKS 29C - 468.23. Khi cầu được 4 cuộn thép, T gọi điện cho V, báo rằng có hàng kim loại để bán cho V. V nói *“cứ lên đi, anh lúc nào cũng có ở xưởng”*. Sau đó, V gọi điện thoại cho anh Ngô Đình C (sinh năm 1982; trú tại: xã P, huyện T, thành phố Hà Nội) đến cầu hàng nên anh C điều khiển xe tải cầu BKS 29C-452.48 đến xưởng mua bán phế liệu của V. Khoảng 5 phút sau, T điều khiển xe ô tô BKS 29C - 468.23 chở 04 cuộn thép đến bãi thu mua phế liệu của V. Sau đó, V bảo C điều khiển xe cầu để cầu toàn bộ 04 cuộn thép ở trên thùng xe ô tô BKS 29C - 468.23 xuống, còn V là người buộc dây cáp. Khi đó có vợ V là Nguyễn Thị G (sinh năm 1985; trú tại: xã X, huyện S, Hà Nội) đang nấu ăn trong xưởng. Khi cầu xong 04 cuộn thép xuống, V nói với T *“còn hàng nữa không thì chở xuống luôn để anh còn cầu xuống”*. T bảo *“vẫn còn”*, rồi quay về xưởng sản xuất “Thái Thêm” tiếp tục cầu 01 kiện kim loại (là loại sắt đã được cắt thành tấm có nhiều kích thước khác nhau) để lên thùng xe ô tô BKS 29C - 468.23 rồi đem qua bãi thu mua phế liệu của Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1986; trú tại: thôn V, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội) để bán. Khi gặp H1 thì T nói cần bán ít sắt vụn, H1 có hỏi về nguồn gốc số sắt vụn trên thì T nói là do T đi thu mua ở nhiều nơi. Sau khi xem hàng thì cả 2 thống nhất giá là 10.200 đồng/1kg. Sau đó, H1 cân số sắt vụn trên được 4.600 kg và trả cho T số tiền là 47.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. T quay về xưởng “T” tiếp tục điều khiển cầu trục cầu 04 (bốn) cuộn thép lên xe ô tô BKS 29C - 468.23 rồi chở đến xưởng của V. C tiếp tục điều khiển xe tải cầu để cầu 04 cuộn kim loại đó xuống, còn V là người buộc dây cáp. Khi cầu xong, V hỏi T *“còn không”* thì T trả lời *“hết rồi”*. Sau đó, T điều khiển xe ô tô BKS 29C - 468.23 đi về xưởng, còn C nhận tiền công từ V rồi ra về. Sau đó, V gọi điện thuê anh Nguyễn Đình K (sinh năm: 1971; trú tại: thôn G, xã N, huyện P, thành phố Hà Nội, là lái xe thuê cho công ty D có địa chỉ tại xã P, T) đến cầu 07 cuộn thép lên xe ô tô đầu kéo rơ móc BKS: 29H-212.74 có thùng xe BKS 29R-056.45 để chở đi S, có G ngồi ghế phụ, còn V điều khiển xe ô tô tải màu xanh, BKS 34C - 293.68 của gia đình chở theo 01 cuộn thép còn lại đi đến bãi tập kết tại bãi gỗ C ở xã X, huyện S, thành phố Hà Nội. Khi đến nơi V có thuê 01 xe cầu (của một người không

rõ địa chỉ, không rõ BKS) cầu 07 cuộn thép trên xe ô tô của anh Nguyễn Đình K xuống, sau đó anh K chở G về T, còn V ở lại điều khiển xe ô tô tải BKS 34C- 293.68 chở 01 cuộn thép mua của T đi xuống làng Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Khi đến nơi, V gặp một người đàn ông khoảng 50 tuổi (không rõ họ tên, địa chỉ) để giao bán số sắt thép trên. Người này trả giá 01 cuộn thép trên xe ô tô của V với giá 11.500 đồng/1 kg. Sau đó, V đưa người đàn ông này về bãi gỗ C ở S để bán nốt 07 cuộn thép còn lại. V nhận được số tiền mặt khoảng 252.384.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, V gọi điện cho T qua ứng dụng “Zalo” và nói với T “*số thép sáng nay được tổng 245.800.000 đồng, để anh chuyển khoản cho mày*”. T đồng ý và cho V số tài khoản ngân hàng của T. Khoảng 11 giờ cùng ngày, V chuyển khoản cho T số tiền 200.000.000 đồng. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, V chuyển khoản nốt cho T số tiền 45.800.000 đồng. Cùng ngày, anh T1 cho thợ tiến hành chuẩn bị thép để sản xuất thì phát hiện bị mất 08 cuộn thép và 1 kiện sắt (dạng tấm). Đến ngày 08/3/2023 anh T1 đến Công an xã B để trình báo việc bị mất trộm tài sản gồm 28,890 tấn thép cuộn và 6.200kg sắt có hình dạng tấm có kích thước khác nhau. Khi biết tin anh T1 đi trình báo sự việc, T đã đến Cơ quan Công an đầu thú.

Vật chứng thu giữ:

- 03 (ba) đoạn video hình ảnh thu giữ tại Cơ sở sản xuất T2 ở cụm C, thuộc địa phận xã B, huyện T, Hà Nội.
- 01 (một) xe ô tô tải màu xanh, BKS 34C - 293.68, số máy: 60222, số khung: 7070622 (đã qua sử dụng) do Nguyễn Văn V tự nguyện giao nộp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15 ngày 10/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, thành phố Hà Nội kết luận: 28,890 tấn thép cuộn có giá trị: 418.905.000 đồng và 6.200kg sắt có hình dạng tấm có kích thước khác nhau có giá trị: 65.720.000 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn T đã chiếm đoạt là 484.265.000 đồng.

- Cơ quan điều tra đã thu 01 sao kê chuyển khoản của số tài khoản 107872722209 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Văn T thể hiện:

+ Vào lúc 11 giờ 10 phút 20 giây ngày 01/3/2023 thể hiện số tài khoản 107872722209 nhận được số tiền 200.000.000 đồng từ số tài khoản

020079502163 mở tại ngân hàng S1, nội dung chuyển khoản: “IBFT NGUYEN VAN VIET chuyen tien”.

+ Vào lúc 12 giờ 16 phút 37 giây ngày 01/3/2023 thể hiện số tài khoản 107872722209 nhận được số tiền 45.800.000 đồng từ số tài khoản 020079502163 mở tại ngân hàng S1, nội dung chuyển khoản: “IBFT NGUYEN VAN VIET chuyen tien”.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp đối với xưởng thu mua sắt vụn của Nguyễn Văn V ở Khu D thuộc xã P, kết quả: Không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ trộm cắp.

Đối với 08 cuộn thép đã mua của T, sau khi chở về tập kết tại bãi gỗ T, huyện S, V đã bán lại cho 01 người đàn ông khoảng 50 tuổi (không rõ tên, tuổi và địa chỉ), Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với 01 kiện sắt mà H1 đã mua của T sáng 01/3/2023, đến chiều cùng ngày H1 đã bán cho 01 người đàn ông khoảng 40 tuổi (không rõ tên, tuổi và địa chỉ) được số tiền là 48.380.000 đồng. Cơ quan điều tra chưa thu hồi được.

Đối với xe ô tô cầu BKS 29C - 468.23, qua xác minh thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn T1. Do anh T1 mua ngày 26/02/2023 tại T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (không nhớ tên, tuổi của người bán). Ngày 01/3/2023, anh T1 để chiếc xe trên tại xưởng sản xuất “T” và Nguyễn Văn T đã tự ý lấy xe để chuyển số thép trộm cắp, anh T1 không biết việc làm trên của T nên Cơ quan điều tra không thu giữ xử lý.

Đối với xe ô tô tải màu xanh, BKS: 34C: 293.68, số máy: 60222, số khung: 7070622 của V, sau khi chở thép đi bán, V đã điều khiển đến gara T tại xã P để sửa chữa. Cơ quan điều tra đã tạm giữ để xử lý theo quy định.

Về dân sự:

Gia đình Nguyễn Văn T đã tự nguyện đã bồi thường khắc phục hậu quả cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền là 245.800.000 đồng.

Gia đình Nguyễn Văn V đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 30.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền bồi thường, anh Nguyễn Văn T1 không yêu cầu đề nghị bồi thường gì thêm về dân sự và có đơn xin miễn truy cứu

trách nhiệm hình sự, xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V.

Chị Nguyễn Thị G vợ bị cáo V có yêu cầu Tòa án trả lại chiếc xe ô tô tải màu xanh, BKS: 34C: 293.68, số máy: 60222, số khung: 7070622 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn V.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 92/2024/HS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”*.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn V 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 08/01/2024.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe ô tô tải màu xanh, BKS: 34C: 293.68, số máy: 2160222, số khung: 7070622 (đã qua sử dụng); tên chủ sở hữu: Nguyễn Đức Đ, loại xe: tải có mui, số loại: KIA PAMAX 2,5T, màu sơn: Xanh; số máy 2160222; số khung 7070622, số chỗ ngồi :3, năm sản xuất: 2002 (thông tin của xe BKS 24C 293.68 theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ). *(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 35 /THADS/2024 ngày 01/4/2024 giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất)*.

- Ngoài ra bản án còn xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 năm tù về tội *“trộm cắp tài sản”*; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/8/2024 bị cáo Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quy kết; bị cáo thừa nhận biết được các cuộn sắt Nguyễn Văn T bán cho bị cáo là tài sản phạm pháp song do hám lợi bị cáo vẫn mua để bán hưởng chênh lệch. Bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do

bị cáo là lao động chính trong gia đình, xin được trả lại xe ô tô là tài sản chung của hai vợ chồng bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhân thân của bị cáo, xem xét kháng cáo của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn V và sửa một phần bản án sơ thẩm, cụ thể:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn V từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù.

- Về vật chứng: ô tô là tài sản chung của vợ, chồng nên đề nghị tịch thu 1/2 chiếc xe.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn V trình bày bản bào chữa nhất trí quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật; bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt; bị cáo tự nguyện bồi thường, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Luật sư đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù mới phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, để bị cáo sớm cải tạo trở về xã hội thành công dân tốt. Xe ô tô là của vợ, chồng bị cáo, chưa sang tên, mua xe chưa trả hết tiền, xe là nguồn, phương tiện lao động, sản xuất của gia đình bị cáo. Luật sư đề nghị trả lại xe cho vợ bị cáo quản lý, sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn V đúng về mặt chủ thể kháng cáo và trong thời hạn của luật định nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn V tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T, bị hại, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản, tang vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 04 giờ 30 ngày 01/3/2023, tại xưởng sản xuất thép “Thái Thêm” của anh Nguyễn Văn T1 trong cụm C, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội, Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp 08 kiện sắt có khối lượng 28,890 tấn thép cuộn và 01 kiện kim loại (là loại sắt đã được cắt thành tấm có kích thước khác nhau) có khối lượng 6,200 tấn, tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn T chiếm đoạt là 484.625.000 đồng. Nguyễn Văn V biết được 08 cuộn thép do Nguyễn Văn T phạm tội mà có song đã mua 08 kiện sắt cuộn trị giá 418.905.000 đồng của Nguyễn Văn T để bán kiếm lời. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn V đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 323 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo thì Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án; xem xét bị cáo không thừa nhận biết rõ tài sản do T phạm tội mà có, không thành khẩn khai báo, thái độ không ăn năn hối cải nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; trong giai đoạn điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện có mẹ già và đang nuôi con nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 07 năm 06 tháng tù về tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* là phù hợp. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội và ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; bản thân bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính, con còn nhỏ. Do vậy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn V, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với đề nghị được trả lại xe ô tô của bị cáo do là tài sản chung của vợ chồng thì Hội đồng xét xử nhận thấy: xe ô tô cũng là tài sản của bị cáo và bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cấp sơ thẩm tịch thu sung quỹ

Nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ. Do vậy yêu cầu trả lại xe của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[5] Bị cáo kháng cáo về hình phạt được cấp phúc thẩm chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn V 06 (S)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **08/01/2024** về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe ô tô tải màu xanh, BKS: 34C: 293.68, số máy: 2160222, số khung: 7070622 (đã qua sử dụng); tên chủ sở hữu: Nguyễn Đức Đ, loại xe: tải có mui, số loại: KIA PAMAX 2,5T, màu sơn: Xanh; số máy 2160222; số khung 7070622, số chỗ ngồi: 3, năm sản xuất: 2002 (thông tin của xe BKS 24C 293.68 theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ). *(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 35 /THADS/2024 ngày 01/4/2024 giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất).*

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn V không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an huyện Thạch Thất;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lưu Ngọc Cảnh